

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (“Tổng Công ty”) là Tổng công ty cổ phần thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 42 GP/KDBH ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty chính thức hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2007 có thời hạn hoạt động là vô hạn.

Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 của Tổng Công ty là 1.035.500.000.000 đồng, tổng số cổ phần của Tổng Công ty là 103.550.000, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Các công ty thành viên và công ty liên kết

Tổng Công ty có Văn phòng II tại thành phố Hồ Chí Minh và 24 Công ty Bảo hiểm Dầu khí (“PVI”) khu vực như sau:

PVI Thăng Long	PVI Tp Hồ chí Minh	PVI Đà Nẵng	PVI Vũng Tàu
PVI Đông Đô	PVI Sài Gòn	PVI Bắc Trung Bộ	PVI Đông Nam bộ
PVI Hà Nội	PVI Bình Dương	PVI Nam Trung Bộ	PVI Tây Nam
PVI Nam Sông Hồng	PVI Sông Tiền	PVI Thanh Hoá	PVI Cà Mau
PVI Bắc Sông Hồng	PVI Tây Nguyên	PVI Khánh Hoà	PVI Duyên Hải
PVI Quảng Ninh	PVI Hải Dương	PVI Hùng Vương	PVI Bến Thành

Tổng Công ty hiện có 2 công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển PVI (PVI Invest)
- Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Bảo hiểm Dầu khí (PVI Finance)

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm các dịch vụ bảo hiểm, tái bảo hiểm phi nhân thọ, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 1.098 (năm 2007: 915).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DNBH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị quản lý	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Tài sản cố định vô hình bao gồm cả phần chênh lệch giá trị tài sản do xác định lại giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa Công ty Bảo hiểm Dầu khí. Phần chênh lệch này Tổng Công ty chưa thực hiện trích hao mòn do chưa có hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc, Tổng Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Đối với những chứng khoán niêm yết, Tổng Công ty trích lập dự phòng dựa trên giá đóng cửa tại ngày cuối năm. Đối với những chứng khoán chưa niêm yết, Tổng Công ty trích lập dự phòng dựa trên giá trung bình của các công ty chứng khoán sau: Công ty chứng khoán FPT, Công ty chứng khoán Sài Gòn và Công ty chứng khoán Dầu khí.

Đối với một số khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết và đầu tư dài hạn mà Tổng Công ty không thể thu thập được giá giao dịch để làm cơ sở lập dự phòng giảm giá, Tổng Công ty đã thực hiện mọi biện pháp cần thiết để thu thập giá giao dịch của chúng, tuy nhiên, không có thông tin về giá giao dịch của chúng trên thị trường. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng đánh giá và tin tưởng rằng, giá trị của các khoản chứng khoán và đầu tư này không bị suy giảm. Vì vậy, Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản chứng khoán và đầu tư dài hạn này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC, Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm đầu từ khi bắt đầu hoạt động. Năm 2008 là năm thứ 2 Tổng Công ty hoạt động với mô hình Công ty Cổ phần nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không hạch toán khoản thuế hoãn lại nào trên báo cáo tài chính năm 2008.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Dự phòng nghiệp vụ

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007, Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007 và Công văn số 17287/BTC-BH ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính, theo đó:

Dự phòng phí: mức trích lập dự phòng phí đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá được tính bằng 25% mức phí giữ lại trong năm và bằng 50% mức phí giữ lại trong năm đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, bao gồm cả nghiệp vụ bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm: Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm giữ lại đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Đối với các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo, dự phòng bồi thường được trích lập dựa theo tỷ lệ thống kê trong 3 năm liên tiếp.

Dự phòng dao động lớn: Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 về “Hợp đồng bảo hiểm”, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định của Bộ Tài chính, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong năm. Năm 2007 mức trích lập dự phòng là 5%, việc thay đổi này làm cho dự phòng giảm là 19.653.884.264 đồng.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để: trả cổ tức cho các cổ đông, trích lập Quỹ phúc lợi, khen thưởng; trích Quỹ thưởng ban điều hành; trích Quỹ Đầu tư phát triển... Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội Đồng quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.

Ghi nhận doanh thu***Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc***

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đơn bảo hiểm được cấp cho khách hàng đã có hiệu lực và theo kỳ thu phí nếu thời hạn của đơn bảo hiểm kéo dài nhiều năm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong năm.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như cho thuê nhà, lãi đầu tư tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, cho vay được ghi nhận khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bằng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở thực thu được của doanh thu theo quy định của Bộ Tài chính với các khoản doanh thu phát sinh được khai thác qua đại lý bảo hiểm.

Các chi phí khác được ghi nhận khi phát sinh.

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Chứng khoán ngắn hạn	138.879.864.425	219.474.361.692
Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	154.763.823.000	
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	765.000.000.000	1.409.200.000.000
Ủy thác đầu tư ngắn hạn (*)	1.209.000.000.000	522.000.000.000
Công trái giáo dục	-	5.200.000.000
Trái phiếu	25.000.000.000	30.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (**)	(31.900.797.883)	(12.904.381.692)
	2.260.742.889.542	2.172.969.980.000

(*) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư ngắn hạn, Tổng Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác.

(**) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn được trích lập cho những chứng khoán đang niêm yết tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và một phần cho chứng khoán chưa niêm yết mà Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 31/12/2008.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm gốc	127.471.060.165	85.038.530.311
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	16.737.781.355	19.149.677.803
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	88.084.173.350	90.531.794.966
Phải thu về hoạt động tài chính (*)	180.796.268.907	132.864.093.971
Các khoản phải thu khác của khách hàng	1.576.223.740	4.474.860.744
	414.665.507.517	332.058.957.795

(*) Phải thu về hoạt động tài chính bao gồm phải thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi công trái, trái phiếu và phí ủy thác đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị: VND Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2008	44.364.308.084	20.198.076.794	23.749.909.395	88.312.294.273
Tăng	-	5.950.082.338	12.418.269.445	18.368.351.783
Đầu tư XD CB hoàn thành	4.403.378.181	-	-	4.403.378.181
Thanh lý	-	-	(644.717.815)	(644.717.815)
Giảm khác	-	(16.135.000)	-	(16.135.000)
Tại ngày 31/12/2008	48.767.686.265	26.132.024.132	35.523.461.025	110.423.171.422
KHẤU HAO				
Tại ngày 01/01/2008	13.131.850.486	8.049.522.084	11.355.684.568	32.537.057.138
Trích khấu hao	2.219.359.772	3.254.504.811	8.146.077.551	13.619.942.134
Thanh lý	-	-	(644.717.815)	(644.717.815)
Tại ngày 31/12/2008	15.351.210.258	11.304.026.895	18.857.044.304	45.512.281.457
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2008	33.416.476.007	14.827.997.237	16.666.416.721	64.910.889.965
Tại ngày 31/12/2007	31.232.457.598	12.148.554.710	12.394.224.827	55.775.237.135

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm toà nhà tại số 20 đường Phạm Ngọc Thạch, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng như một bất động sản đầu tư với mục đích cho thuê. Nguyên giá của toà nhà này là 21.726.000.000 đồng, toà nhà được khấu hao trong 25 năm. Tiền thuê thu được trong năm 2008 là 1.534.219.019 đồng (năm 2007: 1.448.951.986 đồng).

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác (*)	Đơn vị: VND Tổng Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2008	4.096.544.290	213.785.395.213	217.881.939.503
Tăng	1.877.168.182	2.738.865.440	4.616.033.622
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 31/12/2008	5.973.712.472	216.524.260.653	222.497.973.125
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2008	1.212.687.538	-	1.212.687.538
Khấu hao trong năm	1.624.389.455	-	1.624.389.455
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 31/12/2008	2.837.076.993	-	2.837.076.993
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2008	3.136.635.479	216.524.260.653	219.660.896.132
Tại ngày 31/12/2007	2.883.856.752	213.785.395.213	216.669.251.965

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP THEO)

(*) Căn cứ Quyết định số 3434/QĐ-BCN ngày 30/11/2006 của Bộ Công nghiệp, giá trị thực tế của Công ty Bảo hiểm Dầu khí thuộc Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam tại thời điểm 31/12/2005 để cổ phần hóa là 676.170.588.340 đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn Nhà nước là 362.812.218.470 đồng. Giá trị ghi sổ của phần vốn Nhà nước tại ngày 31/12/2005 là 149.026.823.257 đồng. Chênh lệch giữa giá trị thực tế của phần vốn Nhà nước tại thời điểm 31/12/2005 với giá trị ghi sổ là 213.785.395.213 đồng được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khác theo quy định tại Thông tư số 40/2004/TT-BTC ngày 13/5/2004 của Bộ Tài chính về "hướng dẫn kế toán khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần" và chưa trích khấu hao. Mặc dù vậy, việc ghi nhận tài sản cố định vô hình này chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 hướng dẫn về kế toán tài sản cố định vô hình. Tổng Công ty đã có công văn gửi Bộ Tài chính đề nghị hướng dẫn về hạch toán và khấu hao đối với khoản chênh lệch này. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Bộ Tài chính chưa có văn bản trả lời. Theo đó, nếu Bộ Tài chính trả lời thì Tổng Công ty có thể phải thực hiện phân bổ hoặc khấu hao làm cho chi phí trong kỳ tăng lên và lãi giảm tương ứng.

8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển PVI	72.367.200.000	41.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	84.000.000.000	84.000.000.000
	156.367.200.000	125.400.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2008 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam	38	38	Kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính.
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam	28	28	Dịch vụ tài chính, đầu tư chứng khoán và đầu tư dự án.

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu (*)	516.267.564.926	280.375.141.096
Công trái giáo dục	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu	95.150.000.000	97.150.000.000
Tiền gửi dài hạn tại các tổ chức tín dụng	32.000.000.000	-
Ủy thác đầu tư (**)	265.810.536.700	9.992.460.000
Khác	7.864.754.283	13.396.953.055
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(17.016.622.461)	-
	905.076.233.448	405.914.554.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (TIẾP THEO)

(*) Đầu tư vào các công ty khác với thời hạn nắm giữ trên 1 năm. Các công ty này chủ yếu mới thành lập và đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng. Tại ngày lập báo cáo tài chính, các công ty này chưa phát hành báo cáo tài chính được kiểm toán và cũng không có thông tin đáng tin cậy để xem xét lập dự phòng giảm giá. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng không có một khoản giảm giá nào đáng kể ảnh hưởng đến giá trị của khoản đầu tư tại ngày 31/12/2008.

(**) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư, Tổng Công ty được hưởng lãi suất cố định và không chịu rủi ro sử dụng vốn ủy thác.

10. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	37.124.663.175	17.588.886.081
Phải trả hoàn phí bảo hiểm	18.798.648.499	26.245.973.304
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	11.670.913.760	10.407.162.200
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	148.888.476.788	74.971.154.709
Phải trả về hoạt động đầu tư tài chính	1.569.524.908	-
Các khoản phải trả khác cho người bán	19.540.343.463	12.428.018.795
	237.592.570.593	141.641.195.089

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	1.697.348.780.391	2.178.524.784.433
Phải trả khác	9.788.332.749	6.395.233.154
	1.707.137.113.140	2.184.920.017.587

(*) Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ủy thác quản lý vốn cho Tổng Công ty để đầu tư bắt đầu từ ngày 01/01/2008 và lãi suất ủy thác thỏa thuận theo Hợp đồng ủy thác quản lý vốn giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

12. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	1/1/2008	Trích bổ sung trong năm	Sử dụng trong năm	Đơn vị: VND 31/12/2008
Dự phòng phí	243.385.826.069	230.071.046.398	-	473.456.872.467
Dự phòng bồi thường	43.625.561.313	76.857.898.422	-	120.483.459.735
Dự phòng dao động lớn	140.812.888.727	29.813.209.059	107.023.741.806	63.602.355.980
	427.824.276.109	336.742.153.879	107.023.741.806	657.542.688.182

Số dự phòng dao động lớn sử dụng trong năm để bù đắp phần thiếu hụt trong trường hợp tổn thất thuộc phần trách nhiệm giữ lại lớn hơn phí giữ lại trừ (-) dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết.

Số trích lập dự phòng bổ sung trong năm đã được điều chỉnh giảm 5.149.631.213 đồng theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu B 09-DNBH

13. NGUỒN VỐN

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bất buộc	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2007	890.000.000.000	663.000.273.800	-	12.498.244.071	177.480.637.351	11.325.546.456	1.754.304.701.678
Vốn góp	145.500.000.000	386.987.500.000					532.487.500.000
Lợi nhuận trong năm					171.701.441.104		171.701.441.104
Bổ sung vốn điều lệ từ Lợi nhuận							-
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ (a)				2.681.743.540	(81.219.177.502)	8.547.267.164	(148.101.332.100)
Chi cổ tức cho cổ đông (a)					3.292.378.256	182.100.000	3.474.478.256
Tặng khác (b)			69.990.166.798		(9.500.188.800)	(16.344.584.297)	(25.844.773.097)
Chi trả từ các quỹ (c)							
Tại ngày 31/12/2008	1.035.500.000.000	1.049.987.773.800	69.990.166.798	15.179.987.611	113.653.758.309	3.710.329.323	2.288.022.015.841

Đơn vị: VND

Ghi chú:

(a): Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã tạm ứng cổ tức với tỷ lệ 7% vốn điều lệ tại thời điểm tạm ứng và tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 11 tỷ đồng, việc quyết định số tiền trích các quỹ thuộc thẩm quyền phê duyệt chính thức của Đại hội đồng Cổ đông.

(b): Tặng khác trong lợi nhuận chưa phân phối là số điều chỉnh theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và quyết toán thuế năm 2007.

(b): Chi trả từ các quỹ bao gồm 9,5 tỷ đồng phát hành cổ phiếu thưởng năm 2007 cho cán bộ công nhân viên theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. NGUỒN VỐN (TIẾP THEO)

Chi tiết nguồn vốn kinh doanh

	Vốn điều lệ theo giấy phép điều chỉnh VND	Nguồn vốn kinh doanh tại ngày 31/12/2008 VND	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	615.924.000.000	615.924.000.000	59,51
Cổ đông khác	419.576.000.000	419.576.000.000	40,49
	1.035.500.000.000	1.035.500.000.000	100,00

14. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2007		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	45.624.000.000	-
Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2008		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	43.114.680.000	26.600.000.000
Cổ tức được chia năm 2008		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	1.777.205.378	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	4.620.000.000	-
Doanh thu bán chứng khoán		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	-	34.468.250.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	-	49.897.350.000
Doanh thu từ việc cho thuê văn phòng		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	1.263.433.020	599.361.120
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	1.598.159.157	-
	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Ủy thác đầu tư		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	300.000.000.000	454.850.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	630.000.000.000	315.000.000.000
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	2.900.000.000	24.068.250.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	66.045.339.871	27.277.350.000
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển PVI	108.119.100	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.697.348.780.391	2.178.524.784.433

Thu nhập và các khoản vay của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm là 3.385.108.489 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DNBH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***15. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về việc chính sách thuế đối với phí tái bảo hiểm ra nước ngoài thì các Công ty bảo hiểm tại Việt Nam thực hiện nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài đối với các dịch vụ bảo hiểm cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam thì Công ty ở nước ngoài nhận tái bảo hiểm thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu (thuế thu nhập doanh nghiệp) với tỷ lệ là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 1/11/2005 của Bộ Tài chính.

Kể từ ngày 1/1/2009, thuế nhà thầu được áp dụng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài được điều chỉnh tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2008 cũng quy định tỷ lệ thuế nhà thầu vẫn là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài.

Hiện tại, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (đại diện cho các công ty bảo hiểm) đang tiến hành làm việc với Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế về căn cứ tính thuế nhà thầu phải nộp theo quy định tại Công văn số 15861/BTC-TCT nêu trên. Việc xác định số thuế phải nộp của Tổng Công ty (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế.

16. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp cho việc so sánh với số liệu của năm hiện hành.

